

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với
thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐCP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 10/TTr-SVHTTDL ngày 08 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với 132 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Kon Tum (*Phụ lục chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Căn cứ Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa được ban hành kèm theo Điều 1 của Quyết định này, Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm:

1. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cấu hình thành phần hồ sơ phải số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh làm cơ sở cho công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp thực hiện phân loại thành phần hồ sơ số hóa.

2. Thường xuyên rà soát, theo dõi các quy định của pháp luật chuyên ngành và thống kê Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa theo yêu cầu quản lý đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định này cho phù hợp.

3. Chỉ đạo công chức, viên chức, nhân viên thực hiện số hóa, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4. Thực hiện tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong công tác giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện; thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP, các PCVP UBND tỉnh (đ/b);
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh (t/h);
- Viễn thông Kon Tum (p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.VĐT.

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA ĐỐI VỚI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH KON TUM
(Kèm theo Quyết định số 66 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
A	CẤP TỈNH			
I	LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA			
1	2.001631.000.00.00.H34	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	1) Đơn đề nghị đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TTBVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001542)
2	1.003838.000.00.00.H34	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể (Mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0867) 2) Đề án nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể (Mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0868)
3	2.001613.000.00.00.H34	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1) Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001749)

				2) Đề án hoạt động bảo tàng (Mẫu Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ087)
4	1.003793.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001750) 2) Văn bản xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0877)
5	2.001591.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Văn bản đề nghị cấp phép khai quật khẩn cấp của tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ (Phụ lục 3 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0878) 2) Sơ đồ tỉ lệ 1:500, thể hiện rõ vị trí, diện tích địa điểm khảo cổ cần khai quật khẩn cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0879) 3) Văn bản đề nghị cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ của tổ chức phối hợp khai quật khẩn cấp (nếu có). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0880)

6	1.003738.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001751)
7	1.003646.000.0 0.00.H34	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Văn bản đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Mẫu số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0894) 2) Bản thuyết minh hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, trong đó phải trình bày rõ đặc điểm của hiện vật theo các tiêu chí quy định tại khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0869) 3) 01 ảnh tổng thể và 01 ảnh đặc tả chi tiết (ảnh màu, từ cỡ 9cm x 12cm trở lên), chú thích đầy đủ, đảm bảo thể hiện các đặc trưng cơ bản của hiện vật. Khuyến khích gửi kèm theo ảnh lưu trữ trên các phương tiện kỹ thuật số. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001548) 4) Bản ghi âm, ghi hình (nếu có) phải có âm thanh, hình ảnh rõ nét thể hiện sự độc đáo của

				hiện vật (ghi trên băng hoặc đĩa). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001549) 5) Tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có) gồm: Bài viết về hiện vật; xác nhận của nhân chứng đối với các hiện vật có giá trị lịch sử; giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0873)
8	1.003835.000.00.00.H34	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	1) Đơn đề nghị thẩm định và làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 13/2023/TTBVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001543) 2) Bản thuyết minh hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, trong đó phải trình bày rõ đặc điểm của hiện vật theo các tiêu chí quy định tại khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự,

				thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001547) 3) Ảnh: 01 ảnh tổng thể và 01 ảnh đặc tả chi tiết (ảnh màu, từ cỡ 9cm x 12cm trở lên), chú thích đầy đủ, đảm bảo thể hiện các đặc trưng cơ bản của hiện vật. Khuyến khích gửi kèm theo ảnh lưu trữ trên các phương tiện kỹ thuật số. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001548) 4) Bản ghi âm, ghi hình (nếu có) phải có âm thanh, hình ảnh rõ nét thể hiện sự độc đáo của hiện vật (ghi trên băng hoặc đĩa). (Mã số TPHS: 000.00.00.G16-KQ0871)
9	1.001106.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001752) 2) Danh sách kèm theo lý lịch khoa học theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và bản sao văn bằng, chứng chỉ của các chuyên gia. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0306) 3) Danh mục trang thiết bị, phương tiện để thực hiện giám định. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0308)

10	1.001123.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0317) 2) Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã được cấp đổi với trường hợp Giấy chứng nhận bị hỏng hoặc có sự thay đổi thông tin; Trường hợp thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã cấp thì phải gửi kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan đến sự thay đổi thông tin. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0318)
11	1.001822.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024. (Mã TPHS: G16-KQ001753) 2) 02 ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong năm đề nghị cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0440)
12	1.002003.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024. (Mã TPHS: G16-KQ001754) 2) Bản chính Chứng chỉ hành nghề đã được cấp đổi với trường hợp bổ sung nội dung hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0488)

				3) 02 ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong năm đề nghị cấp lại. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0901)
13	1.003901.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001755)
14	2.001641.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001756) 2) Bản chính Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp đối với trường hợp bổ sung nội dung hành nghề hoặc Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng; Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận hành nghề đã cấp, phải gửi kèm theo hồ sơ các bản sao: - Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề: + Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích. + Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích. + Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích. + Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành

				nghe giám sát thi công tu bổ di tích. (Mã TPHS: G16-KQ001757)
II	LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH			
15	1.011454.H34	Thủ tục cấp giấy phép phân loại phim	Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	1) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ00142) 2) Bản phim hoàn chỉnh. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001431) 3) Bản thuyết minh phim bằng tiếng Việt đối với phim nước ngoài. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001422)
III	LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM			
16	1.001833.000.0 0.00.H34	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đề án tổ chức, thể lệ cuộc thi. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0441) 2) Trường hợp phối hợp với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phải kèm theo văn bản thoả thuận giữa các bên. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0442)
17	1.001809.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (mẫu số 1 hoặc mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1237) 2) Danh sách tác giả, tác phẩm, chất liệu, kích thước tác phẩm, năm sáng tác. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0175)

				3) Mỗi tác phẩm một ảnh màu kích thước 10x15 cm. Riêng đối với triển lãm nghệ thuật sắp đặt phải có ảnh chính diện, bên phải và bên trái tác phẩm, kèm theo văn bản trình bày ý tưởng nội dung tác phẩm. Trường hợp tác phẩm có chữ nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0176) 4) Đối với triển lãm ngoài trời được tổ chức tại Việt Nam phải có văn bản của chủ địa điểm triển lãm cam kết đảm bảo các điều kiện về trật tự, an toàn xã hội, văn minh công cộng, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0177) 5) Đối với trường hợp đưa tác phẩm mỹ thuật ra nước ngoài triển lãm, ngoài thành phần hồ sơ số (1), (2) và (3) nêu trên phải kèm theo giấy mời hoặc văn bản thoả thuận của đối tác nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1241)
18	1.001778.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (mẫu số 5 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0426)

				2) Ảnh màu kích thước 18x24 cm chụp bản mẫu và bản sao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0427)
19	1.001755.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng trượng đài, tranh hoành tráng	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (mẫu số 7 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0418) 2) Quyết định chọn mẫu phác thảo bước hai của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, kèm theo ảnh, phác thảo chụp bốn mặt cỡ ảnh 18x24 cm có kèm chú thích. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0419) 3) Các thành phần hồ sơ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0420)
20	1.001738.000. 00.00.H34	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0410) 2) Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0411) 3) Thẻ lệ. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0412)
21	1.001704.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1231)

				2) Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1252) 3) Đối với trường hợp tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại các địa điểm không phải là nhà triển lãm phải có văn bản đồng ý của chủ địa điểm tổ chức triển lãm. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1234) 4) Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh khoa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp về nội dung chụp, thời gian và phạm vi công bố tác phẩm. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1264) 5) Ảnh sẽ triển lãm có chú thích; ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13x18cm hoặc ghi vào đĩa CD (đối với trường hợp nộp trực tiếp/nộp qua bưu chính), ảnh định dạng JPG hoặc PDF (đối với trường hợp nộp qua môi trường điện tử). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001685)
22	1.001671.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0993) 2) Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1252)

				3) Ảnh sẽ triển lãm có chú thích; ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13x18 cm hoặc ghi vào đĩa CD (đối với trường hợp nộp trực tiếp/nộp qua bưu chính), ảnh định dạng JPG hoặc PDF (đối với trường hợp nộp qua môi trường điện tử). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001686) 4) Thư mời, thông báo, sách ảnh (nếu có), văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng với đối tác nước ngoài đã được dịch ra tiếng Việt. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0996) 5) Đối với tác phẩm nhiếp ảnh khóa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp về nội dung, thời gian và phạm vi công bố tác phẩm. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1255)
23	1.001229.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0323) 2) Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0328) 3) Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên

				giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0329) 4) Văn bản thỏa thuận hoặc thư mời, thông báo, hợp đồng của phía nước ngoài về việc tổ chức triển lãm. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0339)
24	1.001211.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0323) 2) Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0328) 3) Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0329) 4) Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê, mượn địa điểm triển lãm. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0330) 5) Phương án bảo đảm các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0332)
25	1.001191.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019

		tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại		của Chính phủ về hoạt động triển lãm). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0323) 2) Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0324) 3) Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0321) 4) Giấy phép đã được cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0493)
26	1.001182.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0320) 2) Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0321) 3) Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0322)

				4) Giấy phép đã được cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0991)
27	1.001147.000.0 0.00.H34	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Thông báo tổ chức triển lãm (mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0319)
IV	LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN			
28	1.009397.000.0 0.00.H34	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Văn bản đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1361) 2) Kịch bản, danh mục tác phẩm gắn với tác giả, người chịu trách nhiệm chính về nội dung chương trình (đối với tác phẩm nước ngoài phải kèm bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1362)
29	1.009398.000.0 0.00.H34	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1363) 2) Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1364)
30	1.009399.000.0 0.00.H34	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm

				theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1365) 2) Đề án tổ chức cuộc thi (Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1366)
31	1.009403.000.0 0.00.H34	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Tờ khai về việc ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1368) 2) Phiếu lý lịch tư pháp số 1. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1369)
V	LĨNH VỰC VĂN HÓA			
32	1.003676.000.0 0.00.H34	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết, thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành phần số lượng khách mời. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0613) 2) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0614) 3) Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0615) 4) Các tài liệu hoặc văn bản chứng minh về nguồn gốc lễ hội (đối với lễ hội truyền thống). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0620)
33	1.003654.000. 00.00.H34	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Văn bản thông báo tổ chức lễ hội. Nội dung văn bản gồm: Tên lễ hội, sự cần thiết về việc tổ chức lễ hội; Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội; Dự kiến thành phần, số

				lượng khách mời; Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0968)
34	1.001029.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ). (Mã TPHS: G16-KQ001841)
35	1.001008.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ). (Mã TPHS: G16-KQ001842)
36	1.000963.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	1) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ). (Mã TPHS: G16-KQ001843)
37	1.000922.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	1) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ). (Mã TPHS: G16-KQ001844)
38	1.003784.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (mẫu đơn số 03 ký hiệu BM.NK ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ

				Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0656) 2) Giấy chứng nhận bản quyền tác giả; hợp đồng; bản dịch tóm tắt bằng tiếng Việt nội dung phim và văn bản cam kết chịu trách nhiệm về nội dung phim nhập khẩu không vi phạm quy định của pháp luật; giấy ủy quyền; chứng nhận hoặc cam kết sở hữu hợp pháp đối với di vật, cổ vật. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001413) 3) Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001412)
39	1.003743.000.0 0.00.H34	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (mẫu đơn số 04 ký hiệu BM.GĐ ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý

				xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0634) 2) Văn hóa phẩm đề nghị giám định (bản gốc). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0635) 3) Tài liệu có liên quan chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của di vật, cổ vật. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0637)
VI	LĨNH VỰC QUẢNG CÁO			
40	1.004650.000.0 0.00.H34	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	1) Thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn (Mẫu số 01 phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001648) 2) Ma-két sản phẩm quảng cáo in màu có chữ ký của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc chữ ký của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo. Trong trường hợp người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người quảng cáo là tổ chức thì phải có dấu của tổ chức. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0763) 3) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo; quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo đối với

				bằng-rôn. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0764) 4) Bản phối cảnh vị trí đặt bảng quảng cáo. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0765)
41	1.004645.000.0 0.00.H34	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1282)
42	1.004639.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (Mẫu số 02 phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001649) 2) Các giấy tờ quy định tại Điểm 2 và Điểm 3 nêu trên phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng thực và thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0752) 3) Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh được sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp

				quảng cáo nước ngoài trong năm tài chính gần nhất. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0751)
43	1.004666.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (Mẫu số 04 phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001650) 2) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0777)
44	1.004662.000. 00.00.H34	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (Mẫu số 05 phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001651)

				2) Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp. Trường hợp Giấy phép bị mất phải có giấy xác nhận của cơ quan công an nơi bị mất Giấy phép. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1120)
VII	LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH – TRIỂN LÃM			
45	2.001496.000.0 0.00.H34	Thủ tục Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	1) Đơn đề nghị Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh (phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2013/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001576) 2) Hình ảnh tác phẩm nhập khẩu, nêu rõ chất liệu, kích thước. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001577)
VIII	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG MUA BÁN QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA			
46	1.003560.000.0 0.00.H34	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị nhập khẩu sản phẩm (Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0583)

				2) Bản mô tả nội dung, hình ảnh, cách thức vận hành/sử dụng, chủng loại, số lượng, tính năng của từng loại hàng hóa và các thông tin liên quan khác đến sản phẩm nhập khẩu (nếu có). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0585)
IX	LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG			
47	1.001376.H34	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sỹ nhân dân”	Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	1) Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sỹ nhân dân” theo Mẫu số 1a tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 61/2024/NĐ-CP. (Mã TPHS: G16-KQ001803) 2) Bản xác nhận của Thủ trưởng đơn vị về sự tham gia của cá nhân trong các tác phẩm nghệ thuật đạt giải Vàng hoặc Bạc tại cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp dùng để quy đổi khi tính thành tích cho cá nhân tham gia quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP (nếu có). (Mã TPHS: G16-KQ001805)
48	1.001108.H34	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sỹ ưu tú”	Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	1) Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sỹ ưu tú” theo Mẫu số 1b tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 61/2024/NĐ-CP. (Mã TPHS: G16-KQ001807) 2) Bản xác nhận của Thủ trưởng đơn vị về sự tham gia của cá nhân trong các tác phẩm nghệ thuật đạt giải Vàng hoặc Bạc tại cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp dùng để quy đổi khi tính thành tích cho cá nhân tham gia quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số

				61/2024/NĐ-CP (nếu có). (Mã TPHS: G16-KQ001809)
49	1.001032.H34	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	1) Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể (theo Mẫu số 1a tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 93/2023/NĐ-CP ngày 25/12/2023 của Chính phủ). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001699)
50	1.000971.H34	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	1) Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể (theo Mẫu số 1b tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 93/2023/NĐ-CP ngày 25/12/2023 của Chính phủ). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001696)
51	1.000871.H34	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học nghệ thuật	Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 09/5/2024	1) Tờ khai tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật (theo Mẫu số 1a tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 36/2024/NĐ-CP). (Mã TPHS: G16-KQ001784) 2) Tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật của đồng tác giả phải có văn bản ủy quyền đại diện đứng tên nộp hồ sơ đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật và văn bản thỏa thuận về chủ sở hữu, quyền tác giả theo quy định của pháp luật. (Mã TPHS: G16-KQ001800) 3) Tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật của tác giả đã chết, phải có văn bản cam kết

				thỏa thuận và ủy quyền đại diện đứng tên nộp hồ sơ đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật của những người có quyền lợi hợp pháp có liên quan. (Mã TPHS: G16-KQ001781) 4) Các tài liệu khác có liên quan đến tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật (nếu có). (Mã TPHS: G16-KQ001783)
52	1.000564.H34	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 09/5/2024	1) Tờ khai tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật (theo Mẫu số 1b tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 36/2024/NĐ-CP). (Mã TPHS: G16-KQ001784) 2) Tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật của đồng tác giả phải có văn bản ủy quyền đại diện đứng tên nộp hồ sơ đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật và văn bản thỏa thuận về chủ sở hữu, quyền tác giả theo quy định của pháp luật. (Mã TPHS: G16-KQ001787) 3) Các tài liệu khác có liên quan đến tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật (nếu có). (Mã TPHS: G16-KQ001783) 4) Tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật của tác giả đã chết, phải có văn bản cam kết thỏa thuận và ủy quyền đại diện đứng tên nộp hồ sơ đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật của những người có

				quyền lợi hợp pháp có liên quan. (Mã TPHS G16-KQ001788)
X	LĨNH VỰC THƯ VIỆN			
53	1.008895.000.0 0.00.H34	Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	1) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo thành lập thư viện (dành cho thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam) (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001656) 2) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Điều 21 Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001657)
54	1.008896.000.0 0.00.H34	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	1) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo sáp nhập/ hợp nhất/chia/tách thư viện (theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao

				và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001665) 2) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thư viện số 46/2019/QH14; Điều 21 Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001660)
55	1.008897.000.0 0.00.H34	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện theo Mẫu M03. Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1337)
XI	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH			
56	1.012080.H34	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	1) Đơn đề nghị cấp (lần đầu) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Mẫu số 15 Nghị định 76). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001552) 2) Dự thảo quy chế hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001555) 3) Bảng giá dịch vụ (nếu có). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001556)

			4) Hồ sơ của người đứng đầu: (1) Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe; (2) Bản sao có công chứng, chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên về ngành, chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp; (3) Bản sao có công chứng, chứng thực các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận khác có liên quan đến dịch vụ đăng ký thành lập cơ sở; (4) Bản cam kết chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 16 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001557) 5) Yêu cầu hồ sơ của nhân viên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình: (1) Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe; (2) Bản sao có công chứng, chứng thực bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên; (3) Bản sao có công chứng, chứng thực các văn bằng có liên quan đến dịch vụ dự kiến cung cấp; (4) Bản sao có công chứng, chứng thực giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001558)
--	--	--	---

57	1.012081.H34	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	1) Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001559)
58	1.012082.H34	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	1) Đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001560) 2) Hồ sơ của người đứng đầu: (1) Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe; (2) Bản sao có công chứng, chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên về ngành, chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp; (3) Bản sao có công chứng, chứng thực các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận khác có liên quan đến dịch vụ đăng ký thành lập cơ sở; (4) Bản cam kết chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 16 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001562)
XII	LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO			

59	1.002445.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, gồm: + Đội ngũ cán bộ, nhân viên thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao chuyên nghiệp. + Vận động viên chuyên nghiệp, huấn luyện viên chuyên nghiệp. + Cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với hoạt động thể thao chuyên nghiệp. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1118)
60	1.002396.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 3 Phụ lục Nghị định 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019), gồm: + Đội ngũ cán bộ, nhân viên thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao chuyên nghiệp. + Vận động viên chuyên nghiệp, huấn luyện viên chuyên nghiệp. + Cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với hoạt động thể thao chuyên nghiệp. (Mã TPHS: G16-KQ001746)

61	1.003441.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 03 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001742) 2) Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0273) 3) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0272)
62	1.000983.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 03 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001742) 2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp bị hư hỏng trong trường hợp bị hư hỏng. (Mã TPHS: G16-KQ001743)
63	1.002022.000.0 0.00.H34	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức.	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn khi tổ chức. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0429) 2) Điều lệ giải thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0430) 3) Chương trình thi đấu. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0431)

64	1.002013.000.0 0.00.H34	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn khi tổ chức. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0490) 2) Điều lệ giải thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0491) 3) Chương trình thi đấu. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0492)
65	1.001782.000.0 0.00.H34	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn khi tổ chức. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0429) 2) Điều lệ giải thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0430) 3) Chương trình thi đấu. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0431)
66	1.000953.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-

				CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1076)
67	1.000936.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1076)
68	1.000920.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1076)
69	1.001195.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu

				số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001723) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1110)
70	1.000904.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001723) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS 000.00.00.G16-KQ1101)
71	1.000883.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001733) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

				Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1110)
72	1.000863.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001723) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1106)
73	1.000847.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001733) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1106)
74	1.000830.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001733)

				2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1101)
75	1.000814.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001723) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1101)
76	1.000644.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ.	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1076)

77	1.000842.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo.	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001723) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1101)
78	1.005163.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitnes	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1110)
79	2.002188.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng.	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001723) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-

				CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1091)
80	1.000594.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001733) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1106)
81	1.000560.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1076)
82	1.000544.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu

		thao đổi với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam		số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001723) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1106)
83	1.000518.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đổi với môn Bóng đá	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001710) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1076)
84	1.000501.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đổi với môn Quần vợt	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001710) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

				Luật Thể dục, thể thao). (Mã TPHS: G16-KQ001711)
85	1.000485.000.00.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1076)
86	1.001801.000.00.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1076)
87	1.001500.000.00.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709)

				2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1076)
88	1.005162.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1076)
89	1.001517.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1076)

90	1.001527.000.00.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1076)
91	1.001056.000.00.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001709) 2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1076)
XIII	LĨNH VỰC DU LỊCH			
92	1.004528.000.00.00.H34	Thủ tục công nhận điểm du lịch	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị công nhận điểm du lịch (Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0693)

				2) Bản thuyết minh về điều kiện công nhận điểm du lịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0694)
93	2.001628.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành (theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001827) 2) Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0674)
94	2.001616.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001836)
95	2.001622.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001835) 2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa của doanh nghiệp. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1200)
96	2.001611.000. 00.00.H34	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001834)

				2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1199)
97	2.001589.000.0 0.00.H34	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2024. (Mã TPHS: G16-KQ001833) 2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0647) 3) Quyết định giải thể, biên bản họp của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp; Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định giải thể của Tòa án trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0648)
98	1.003742.000.0 0.00.H34	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0647) 2) Quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0632)
99	1.001837.000. 00.00.H34	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện (Mẫu TB Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016) do đại diện có thẩm quyền

				của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ- CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1174) 2) Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1176) 3) Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1177) 4) Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1178) 5) Đối với trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện chỉ bao gồm các thành phần hồ sơ số (1) và (5). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1179)
100	1.001440.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 06 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001832) 2) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1171)

				3) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1172) 4) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (không yêu cầu nộp trong trường hợp đã có cơ sở dữ liệu về cư trú). (Mã TPHS: G16-KQ001847)
101	1.004605.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	1) Đăng ký tham dự khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch (Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001840)
102	1.003717.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016) do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1189) 2) Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1191) 3) Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm: - Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thoả thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;

				- Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 và quy định pháp luật có liên quan. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1194)
103	1.003240.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016) do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1185) 2) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 1 năm 2016 (Mẫu TB Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1186)
104	1.003275.000. 00.00.H34	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1185)

105	1.005161.000.0 0.00.H34	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-3 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016) do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0820) 2) Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0824) 3) Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1214) 4) Giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1216)
106	1.003002.000.0 0.00.H34	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-4 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016) do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1181)
107	1.004628.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001830)

				2) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0737) 3) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0740) 4) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (không yêu cầu nộp trong trường hợp đã có cơ sở dữ liệu về cư trú). (Mã TPHS: G16-KQ001847)
108	1.004623.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 06 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001829) 2) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0732) 3) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1212) 4) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (không yêu cầu nộp trong trường hợp đã có cơ sở dữ liệu về cư trú). (Mã TPHS: G16-KQ001847)
109	1.001432.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1) Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL

				ngày 26 tháng 6 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001828) 2) Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1169) 3) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1167) 4) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1171) 5) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (không yêu cầu nộp trong trường hợp đã có cơ sở dữ liệu về cư trú). (Mã TPHS: G16-KQ001847)
110	1.004614.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1) Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2024). (Mã TPHS: G16-KQ001826) 2) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0721)
111	1.003490.000.0 0.00.H34	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0581) 2) Bản thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0582)

112	1.004551.000.0 0.00.H34	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001824) 2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0358)
113	1.004503.000.0 0.00.H34	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001824) 2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0358)
114	1.001455.000.0 0.00.H34	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001824)

				2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0358)
115	1.004580.000.00.00.H34	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001824) 2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0358)
116	1.004572.000.00.00.H34	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024). (Mã TPHS: G16-KQ001824) 2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0358)
117	1.004594.000.00.00.H34	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch (Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1148)

				2) Bản tự đánh giá chất lượng của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định trong tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1149) 3) Danh sách người quản lý và nhân viên trong cơ sở lưu trú du lịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1150)
118	1.008027.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1313) 2) Bảng kê thông tin về trang thiết bị của từng phương tiện, chất lượng dịch vụ, nhân viên phục vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch đáp ứng điều kiện theo quy định (Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch sau khi có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1314) 3) Bản sao giấy đăng ký phương tiện hoặc giấy hẹn nhận giấy đăng ký phương tiện của cơ quan có thẩm quyền, bản sao giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện với tổ

				chức, cá nhân sở hữu phương tiện vận tải hoặc bản sao hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1315)
119	1.008028.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1316) 2) Bảng kê thông tin về trang thiết bị của từng phương tiện, chất lượng dịch vụ, nhân viên phục vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch đáp ứng điều kiện theo quy định (Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch sau khi có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1314) 3) Bản sao giấy đăng ký phương tiện hoặc giấy hẹn nhận giấy đăng ký phương tiện của cơ quan có thẩm quyền, bản sao giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân sở hữu phương tiện vận tải hoặc bản sao hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và

				hợp tác xã. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1315)
120	1.008029.000.0 0.00.H34	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Đơn đề nghị cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1319)
B	CẤP HUYỆN			
I	LĨNH VỰC VĂN HÓA			
1	1.003645.000.0 0.00.H34	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết, thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành phần số lượng khách mời. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0613) 2) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0614) 3) Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0615)

				4) Các tài liệu hoặc văn bản chứng minh về nguồn gốc lễ hội (đối với lễ hội truyền thống). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0616)
2	1.003635.000.0 0.00.H34	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Văn bản thông báo tổ chức lễ hội gồm các nội dung (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0964): (1) Tên lễ hội, sự cần thiết về việc tổ chức lễ hội; (2) Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội; (3) Dự kiến thành phần, số lượng khách mời; (4) Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; (5) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.
II LĨNH VỰC THƯ VIỆN				
3	1.008898.000.0 0.00.H34	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.	Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	1) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo thành lập thư viện (dành cho thư viện cộng đồng/thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng) (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001661) 2) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thư viện số

				46/2019/QH14; Điều 19 Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001663)
4	1.008899.000.0 0.00.H34	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.	Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	1) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo sáp nhập/ hợp nhất/chia/tách thư viện (theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001659) 2) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Điều 19 Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001666)
5	1.008900.000.0 0.00.H34	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện theo Mẫu M03. Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1332)

C	CẤP XÃ			
I	LĨNH VỰC VĂN HÓA			
1	1.003622.000.0 0.00.H34	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Văn bản thông báo tổ chức lễ hội gồm những nội dung: (1) Tên lễ hội, sự cần thiết về việc tổ chức lễ hội; (2) Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội; (3) Dự kiến thành phần, số lượng khách mời; (4) Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; (5) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0965)
II	LĨNH VỰC THƯ VIỆN			
2	1.008901.000.0 0.00.H34	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	1) Thông báo thành lập thư viện (dành cho thư viện cộng đồng/Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng) (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001662) 2) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Điều 20 Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy

				định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001668)
3	1.008902.000.0 0.00.H34	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	1) Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện (theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001653) 2) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Điều 20 Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001670)
4	1.008903.000.0 0.00.H34	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện theo Mẫu M03. Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ1332)
III	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH			
5	1.012084.H34	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp	Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	1) Đơn đề nghị về việc cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa

		huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã)		phương không tổ chức chính quyền cấp xã) (Mẫu số 06 Nghị định 76). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001563)
6	1.012085.H34	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	1) Đơn đề nghị về việc hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc (Mẫu số 10 Nghị định 76). (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ001564)
IV	LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO			
7	2.000794.000.0 0.00.H34	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1) Quyết định thành lập. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0421) 2) Danh sách Ban chủ nhiệm. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0422) 3) Danh sách hội viên. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0423) 4) Địa điểm luyện tập. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0424) 5) Quy chế hoạt động. (Mã TPHS: 000.00.00.G16-KQ0425)

Tổng cộng: *Danh mục có 132 TTHC (Cấp tỉnh: 120 TTHC, cấp huyện: 05 TTHC, cấp xã: 07 TTHC); gồm 307 thành phần hồ sơ phải số hóa*